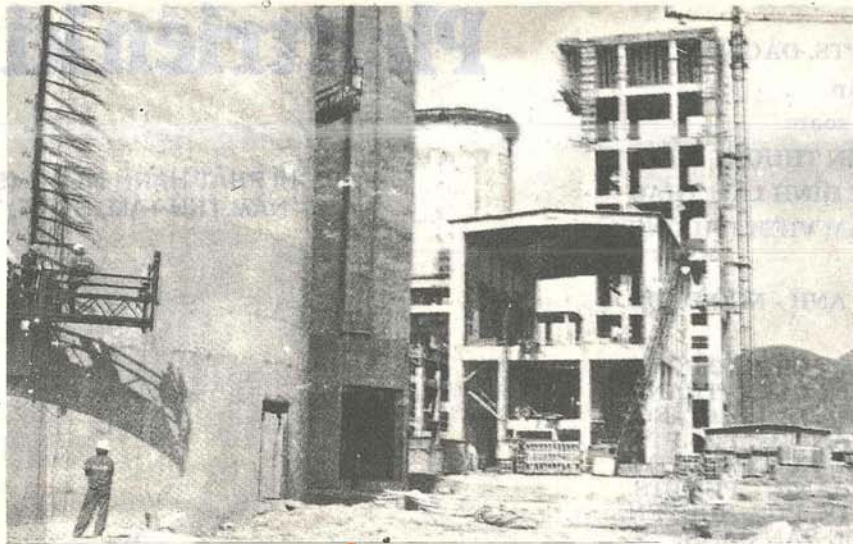


Chiến lược phát triển kinh tế của nước ta hiện nay là công nghiệp hoá, hiện đại hoá, còn các biện pháp như chống lạm phát hay duy trì tỷ giá thấp hay cao, cần phải thay đổi tùy theo sự biến chuyển của tình hình kinh tế trong nước, những biện pháp phù hợp trong thời gian kinh tế phồn vinh không nên áp dụng trong thời kỳ kinh tế đình đốn.

Từ năm 1991, do tình hình lạm phát cao, chính phủ đã áp dụng chính sách chống lạm phát và tăng nhập khẩu, duy trì tỷ giá thấp, lãi suất cao. Đầu tư nhà nước được tập trung trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, giao thông vận tải những ngành sản xuất hàng tiêu dùng đặc biệt là hàng tiêu dùng cao cấp phần lớn do đầu tư nước ngoài thực hiện. Chính phủ đã hạn chế việc sử dụng vốn cấp cho các xí nghiệp quốc doanh. Chính sách trên đây đã đạt những kết quả kinh tế tốt do phù hợp với nhu cầu chống lạm phát thời bấy giờ: GDP đã tăng năm 1995 là 9,5%, nhưng năm 1996 đã giảm còn 9,3 %, những tháng đầu năm 1997 9,1% và dự báo cho năm 1998 khoảng 9%. Mục tiêu chống lạm phát đã vượt yêu cầu: giá cả từ tháng 6.1996 có khuynh hướng âm trong nhiều tháng hay chỉ tăng ít. Mãi lực quần chúng nhân dân đã giảm đáng kể. Tình hình các xí nghiệp quốc doanh nói chung gặp nhiều khó khăn, từ 12.000 xí nghiệp năm 1990, nay chỉ còn dưới 6.000 xí nghiệp và dự trù sẽ giảm bớt, đa số xí nghiệp quốc doanh cũng như tư nhân có tỷ lệ vốn riêng / vốn vay rất thấp, có xí nghiệp không đến 1/20 và một phần khá lớn doanh thu phải dùng trả lãi cho ngân hàng mà lẽ ra dưới chủ nghĩa xã hội, doanh thu phải dùng để trả lương cho nhân công và tái sản xuất mở rộng. Trong khu vực, Thái Lan đã bị khủng hoảng nặng, đồng tiền Thái Lan, Singapore, Malaysia, Indonesia đã bị phá giá, Việt Nam phải có biện pháp để phòng lây lan khủng hoảng.

Do tình hình biến chuyển bất lợi như trên nên chúng tôi đề nghị



PHỒN VINH KINH TẾ VÀ TOÀN DUNG NHÂN CÔNG

TS. LÊ KHOA



một số biện pháp toàn dụng nhân công và thúc đẩy phát triển kinh tế như sau:

I. SỬ DỤNG CHÍNH SÁCH ĐỒNG BỘ LẠM PHÁT CÓ CHỨNG MỤC

Các công cụ của chính sách đồng bộ này có thể liệt kê như sau

- Trong giới hạn tăng giá 10-15% được Quốc hội cho phép, Ngân hàng nhà nước có thể lạm phát tiền và dùng tiền lạm phát này ứng

cho ngân sách nhà nước. Đây là một công dụng được nhiều việc: Thứ nhất là làm cho giá tăng lên, giá cả giảm hiện nay được coi như bất lợi cho các doanh nghiệp trong nước. Giá tăng giúp cho các doanh nghiệp tăng doanh thu và lợi nhuận. Thứ hai là giải quyết vấn đề vốn cho các doanh nghiệp quốc doanh và vốn xây dựng cơ bản: với tiền ứng trước của ngân hàng, ngân sách nhà nước có thể cho vốn xây dựng cơ bản, cấp vốn cho các doanh nghiệp quốc doanh khiến cho không còn nạn thiếu vốn. Thứ ba là nhà nước có đủ vốn áp dụng một chính sách đại đầu tư để tạo toàn dụng nhân công và tăng GDP lên 12-15% thay vì 9% như một số dự báo cho năm 1998.

- Chương trình đại đầu tư được thi hành theo tinh thần lý thuyết Keynes chống đình đốn, khó khăn kinh tế: Khi đình đốn kinh tế xảy ra, nhà kinh tế học Keynes chủ trương nên dùng kiểm huyệt ngân sách (hay tiền ứng trước của Ngân hàng nhà nước) để thực hiện một loạt dự án đại đầu tư. Keynes cũng đề nghị ngân hàng cho các doanh nghiệp vay tiền rộng rãi với lãi suất hạ, nhưng biện pháp này không mấy hữu hiệu vì kinh nghiệm cho thấy trong thời gian đình đốn, các doanh nghiệp có khuynh hướng đem tiền trả cho ngân hàng hơn là vay tiền ngân hàng để sản xuất hàng hóa trong khi hàng đã chất đầy kho không bán được. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, vì tư nhân làm chủ các doanh nghiệp, một khi tư nhân không đầu tư thì nhà nước khó buộc tư nhân phải tăng đầu tư. Nhưng trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhà nước chủ trương xây dựng hàng loạt xí nghiệp để nâng cao đời sống. Chính sách trên đây vẫn phải trở ngại thiếu vốn trong các giai đoạn lạm phát vì ngân hàng không thể

lạm phát tiền khi giá tăng quá mức hanchế 10-15% của Quốc hội. Nhưng hiện nay, giá tăng rất ít, có nhiều tháng giá sụt xuống, do đó, thời cơ rất thuận tiện áp dụng lý luận dùng khiếm hụt ngân sách để thi hành các chương trình đại đầu tư.

Như vậy, cần phải thay đổi chính sách tiền tệ: từ 1990 đến 1997, nhà nước không chủ trương sử dụng tiền ứng trước của ngân hàng để thi hành đại đầu tư, nay chúng ta nên sử dụng tiền ứng của ngân hàng để đại đầu tư, thêm vốn cho hàng loạt doanh nghiệp mở rộng sản xuất.

1. Quy mô đầu tư theo như Keynes khuyến cáo phải có quy mô đủ thì mới tạo ra toàn dụng nhân công và phồn vinh kinh tế. Trong giai đoạn "dư sắt, xi măng, lương thực, nhân công thiếu việc làm hiện nay", có thể sử dụng một số vốn khoảng 4 đến 8 tỷ USD để thực hiện một loạt công trình làm tăng GDP lên 12-15% trong năm 1998. Các công trình trên có thể là:

- Tại DBSCL, xây dựng hệ thoát thủy hạ mức nước lũ cao nhất trên 4,5m xuống còn 2,5m, do đó vùng An Giang, Đồng Tháp có thể làm thêm vụ 3 trong mùa nước ngập, nếu đào một sông Hậu II cho lũ chảy qua U Minh Thượng và Hạ, bán đảo Cà Mau có thể rửa phèn cho hơn 400.000 ha đất, đưa sản lượng lúa (hay nông sản trị giá cao hơn lúa) có thể tăng thêm 6 triệu tấn. Xây cầu Cần Thơ qua sông Hậu và dẫn khí ngoài khơi Minh Hải vào bờ, nơi đây xây dựng khu công nghiệp điện, đạm và sắt thép, công nghiệp cơ khí.

- Tại miền Trung, sớm đưa Cam Ranh vào danh sách cảng sâu cần phát triển mạnh. Từ Cam Ranh đến Vũng Tàu lập cảng sâu, đường xa lộ và khu công nghiệp. Khu vực này nên ưu tiên phát triển vì có những cảng sâu và nằm trên đường hàng hải quốc tế. Cần xây dựng khẩn trương nơi đây một nhà máy lọc dầu 6 triệu tấn, để bán dầu cho miền Nam và cho các thương thuyền quốc tế ghé các cảng sâu Cam Ranh, Phú Mỹ, Vũng Tàu. Còn nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ cung cấp dầu cho miền Trung và miền Bắc Việt Nam.

- Xây dựng một loạt nhà máy làm máy vi tính, xe gắn máy, máy điều hòa không khí, phụ tùng xe gắn máy, xe ô tô. Trước đây, chúng ta không có chính sách xây các nhà máy này: xuất khẩu của ta 80% là nông khoáng sản thô còn nhập khẩu là những sản phẩm cao cấp đắt tiền, chỉ dùng một thời gian phải vất vả nên rất tốn kém. Do đó, việc xây dựng các nhà máy này nên

được xem là phần chính của chương trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá và nên được tập trung ưu tiên phương tiện ngoại tệ, vật tư và chuyên viên cấp cao.

- Xây dựng hàng loạt nhà bán góp cho cán bộ công nhân viên.

2. Hiệu quả của chương trình dùng khiếm hụt ngân sách đại đầu tư:

Chương trình đại đầu tư bằng khiếm hụt ngân sách trên đây sẽ cần khoảng 4 đến 8 tỷ USD cho năm 1998. Chương trình sẽ làm tăng giá lên và tiêu thụ hết các kho sắt thép xi măng còn tồn đọng, gây nên một cuộc phồn vinh kinh tế chưa từng có ở Việt Nam. Trong năm 1998, do tiền được tung thêm, sẽ tạo ra áp lực tăng giá, nhưng đến năm 1999-2000, nhiều nhà máy sẽ đi vào sản xuất và góp phần ổn định giá lại, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển nhanh khoảng 13-15% GDP mỗi năm do mức khởi hành Việt Nam hiện nay còn rất thấp.

Chương trình trên nên sử dụng tối đa chuyên viên Việt Nam, máy móc sản xuất trong nước và vật tư trong nước. Như vậy sẽ tạo được thừa số nhân phát triển và giữ được độc lập kinh tế

II. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Từ 1990 đến nay, tuy kinh tế phát triển, song phần đóng góp chủ yếu là do các doanh nghiệp nước ngoài, đầu tư nước ngoài chứ không phải do các doanh nghiệp Việt Nam. Như Thủ tướng đã phát biểu năm 1994: "Trong khi vốn của xí nghiệp phần lớn phải vay ngân hàng, hàng năm phải trả vài chục phần trăm tiền lãi là cao, lãi của doanh nghiệp tạo ra không đủ trả tiền lãi vay ngân hàng và nộp thuế. Thuế cộng với lãi suất vay ngân hàng như hiện nay thì doanh nghiệp không có tích lũy, không thể mở rộng sản xuất kinh doanh. Thực sự các doanh nghiệp của ta hiện nay rất khó khăn. Nếu doanh nghiệp không phát triển, không đổi mới kỹ thuật hiện đại hoá nhanh, sản xuất không mở rộng, không có khả năng cạnh tranh, không thể nào tránh khỏi tụt hậu so với các nước" (Báo *Ngân hàng* 3.94 trang 5). Thật ra tình hình doanh nghiệp Việt Nam còn bi đát hơn vì ngoài việc lãi suất ngân hàng cao, thuế cao so với các doanh nghiệp ở nước ngoài, các doanh nghiệp Việt Nam còn phải đối phó với tình hình thị trường thu hẹp do mãi lực quần chúng nhân dân giảm trong thời gian thiếu phát tháng 6.1996 đến nay, sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu do chính sách tỷ giá thấp và chống buôn lậu ít hiệu quả. Trong khi có nhiều nguồn tin

đưa ra con số nhập khẩu xe đạp đến 600.000 chiếc năm, rượu lậu khoảng 100 triệu USD, chỉ nói đến 2 mặt hàng thôi - thì Hải quan không có thông báo tịch thu được vài chục ngàn chiếc xe nào hoặc bắt được vài triệu USD rượu lậu, những số tiền phạt buôn lậu chưa đến 1 triệu USD hay 1%. Số tiền nhập khẩu lậu được một số nguồn tin có thẩm quyền ước trên 1 tỷ USD / năm.

Do đó, chúng tôi kiến nghị các biện pháp tăng thêm khả năng cạnh tranh các doanh nghiệp Việt Nam như sau:

- Do các doanh nghiệp Việt Nam và ngân hàng Việt Nam đều là doanh nghiệp quốc doanh thuộc quyền sở hữu của nhà nước, có thể dùng phương pháp bù trừ xóa nợ, tỷ như Ngân hàng nhà nước ứng trước, giả thuyết là 50.000 tỷ VNĐ cho Bộ Tài Chánh, Bộ Tài Chánh ứng lại cho các doanh nghiệp kinh doanh đúng đắn và các doanh nghiệp này dùng tiền này trả cho các ngân hàng cấp dưới, các ngân hàng cấp dưới này giữ lại một phần để đối phó với tiền ký thác người dân còn phần còn lại trả cho Ngân hàng nhà nước hoặc gởi lại cho Ngân hàng nhà nước dưới hình thức dự trữ bắt buộc không hay chỉ sanh lãi ít. Như vậy các số nợ sẽ phần lớn được xóa bỏ và tình hình tài chánh các doanh nghiệp trở nên lành mạnh hơn

- Nâng từ từ tỷ giá đồng Việt Nam so với đồng USD để hàng sản xuất trong nước có khả năng cạnh tranh. Theo một số tính toán thì tỷ giá phải ít ra là 13-14.000 VND/USD thì các doanh nghiệp Việt Nam mới có thể cạnh tranh cùng hàng nhập khẩu. Ngoài ra, để chống lại xu hướng USD trong thanh toán - như Thủ tướng đã phát biểu: "Một giáo sư người nước ngoài có góp ý với chúng ta là hiện nay có khuynh hướng dùng USD trong thanh toán, đó là một xu hướng nguy hiểm" (tư liệu đã dẫn) Các nước ngoài thường có 2 tỷ giá: một tỷ giá chính thức để nhập khẩu máy, vật tư và một tỷ giá cao hơn để mua các USD trôi nổi trên thị trường. Những người nhập khẩu hàng tiêu dùng cao cấp hoặc máy vật tư sẽ mua USD, hay những người chuyển ngân tiền lãi về nước sẽ mua USD với giá cao trên đây. Như vậy, sẽ thu hút được USD ngoài ngân hàng vào ngân hàng.

- Hạ bớt lãi suất ngân hàng bằng với lãi suất cho vay của các nước láng giềng (ở Nhật 5% ngắn hạn và 2% cho các dự án ưu tiên dài hạn) và hạ thuế đánh vào các doanh nghiệp Việt Nam bằng với thuế đánh trên các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Áp dụng chính sách bảo vệ

hàng nội: mặt hàng gì sản xuất được trong nước thì không cho nhập khẩu hoặc nhập khẩu phải chịu tỷ giá cao và thuế nhập khẩu cao. Có chính sách chống buôn lậu hiệu quả hơn.

III. CHÍNH SÁCH ĐI LÊN BẢNG CỐ GẮNG TỰ BÀN THÂN VIỆT NAM

Năm 1945, khi kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ 2, tổng công suất các nhà máy thép Nhật chỉ còn 1 triệu tấn (năm 1997 công suất các nhà máy thép Việt Nam 1,7 triệu tấn). Năm 1950, Nhật sản xuất 5 triệu tấn thép và năm 1965 là 100 triệu tấn, cùng lúc Nhật thành cường quốc thứ hai trên thế giới chỉ trong 15 năm (1946 = 1 triệu tấn thép, 1965 = 100 triệu tấn). Cũng giống như Việt Nam, Nhật hầu như không có tài nguyên quan trọng nào về quặng sắt. Quặng sắt, than cốc của Nhật đều nhập khẩu từ nước ngoài.

Mấy năm gần đây, Việt Nam đã có chính sách phát triển sản xuất sắt, xi măng, công suất năm 1997 các nhà máy là 1,7 triệu tấn và các nhà máy xi măng là 10 triệu tấn, tuy nhiên, sản xuất thực tế trong năm 1977 là khoảng 0,8 triệu tấn thép và 6 triệu tấn xi măng. Tình hình này không những làm cho nhịp tăng GDP Việt Nam bị khựng lại, mà hy vọng đạt 5 triệu tấn thép và 20 triệu tấn xi măng vào năm 2000, 50 triệu tấn thép và 40 triệu tấn xi măng vào năm 2005 trở thành không thực tế, vì đầu tư cho ngành này bị khựng lại. Cùng với việc khựng lại của 2 ngành sắt thép xi măng, kỳ vọng công nghiệp hoá - hiện đại hoá của Việt Nam cũng có thể trở thành không thực tế.

Vì sao ngành sắt thép xi măng của Nhật đã phát triển rất nhanh trong các năm 1946-65 trong khi sản xuất sắt thép xi măng của Việt Nam chưa nhiều, đã bị khựng lại? Lý do là Việt Nam mặc dù là một nước xã hội chủ nghĩa theo lý luận của Mác và Lênin, nhưng lại không áp dụng chính sách Mác Lênin ưu tiên bành trướng KVSX I hay khu vực sản xuất máy móc và công cụ sản xuất. Những máy móc thiết bị của Việt Nam, cũng như các sản phẩm làm bằng thép như xe gắn máy, máy điều hòa không khí, xe ô tô, máy phát điện, vỏ tàu v.v.... đều nhập khẩu từ nước ngoài, trong khi người Nhật có chủ trương không nhập hàng đã chế tạo, không nhờ đến đầu tư nước ngoài, không mua máy và sản phẩm hoàn chế của nước ngoài: họ chỉ mua vài ba cái để làm mẫu, tháo tung ra rồi giao cho kỹ sư và các nhà máy của họ chế tạo lấy. Lấy ví dụ như xe gắn máy, sau thế giới chiến tranh lần

thứ hai, thay vì nhập khẩu các xe gắn máy Lambretta Vespa nổi tiếng của Ý, ông Honda sang Ý mua các phụ tùng xe gắn máy này, đem về canh cải lại và Nhật đã làm ra xe gắn máy Honda, Kawasaki v.v.... không những tiêu dùng khắp nước Nhật mà còn xuất khẩu khắp các nước trên thế giới. Do đó, dù có sản xuất bao nhiêu sắt thép xi măng Nhật cũng không cung ứng đủ sắt, xi măng cho việc xây các cảng sâu, các khu công nghiệp, các nhà máy, còn ta trái lại nhập khẩu trên 400.000 xe gắn máy rất nhiều xe ô tô, máy điều hòa không khí, cầu cảng nước ta thuê nước ngoài làm, nên sắt thép xi măng của ta làm ra ngoài việc xây nhà ở, khách sạn cho thuê thì không còn thị trường tiêu thụ. Những trí thức của nước ta ra trường, một số không có việc làm do không được tuyển vào các cơ sở và giao cho việc làm xe gắn máy, xe ô tô, máy điều hòa không khí, cầu cảng, nhà máy lọc dầu v.v.... Và cũng vì vậy, chúng ta phải nhờ đến đầu tư nước ngoài, trong khi người Nhật vì tự làm tất cả các máy, nhà máy, cầu cảng nên không cần đến đầu tư nước ngoài và đã có thị trường trong ngành công nghiệp sắt thép xi măng của họ.

Kỹ thuật nếu là "mới" chưa nước nào làm được mới khó, nhưng nếu nước ngoài đã làm được chiếc xe gắn máy, chúng ta mua về một vài chiếc rồi tháo tung ra, photocopy có canh cải thì rất dễ, hiện nay tại TP HCM, nhà máy Chiến thắng đã làm được khung xe Honda y như xe ngoại, nhiều máy khác như máy biến thế, máy cắt và mài đá ốp lát, máy chà bóng gạo, máy Diesel v.v.... Việt Nam cũng có thể làm được y như nước ngoài và giá rẻ hơn chỉ 1/3 đến 1/5. Tuy nhiên, những kỹ sư Việt Nam chưa có thể làm ra những xe gắn máy Việt Nam, ô tô Việt Nam, lý do là vì Việt Nam có chính sách nhập khẩu hàng 400.000 xe gắn máy nguyên chiếc, tháng 6 vừa mới cấm nhập khẩu 12 mặt hàng là sắt, giấy, đường mía, xe gắn máy nguyên chiếc... thì tháng 8 lại bãi bỏ lệnh cấm này. Chúng tôi kiến nghị một chính sách bảo vệ hàng nội và lao động nội, trí thức nội thì mới có thể sử dụng hết trí thức được đào tạo tại các trường đại học cũng như bán chạy hết xi măng sắt thép Việt Nam.

Vì sao không giao việc xây cầu qua sông Hậu, xây cảng sâu Vũng Tàu - Cam Ranh, hàng ngàn khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên cho chuyên viên Việt Nam hoàn thành với sắt và xi măng Việt Nam? Và các nhà máy Việt Nam được giao nhiệm vụ làm 400.000 xe gắn máy năm, thay vì nhập khẩu các xe gắn máy này?

IV. GIỚI HẠN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NƠI CÁC KHU CHẾ XUẤT, CÁC CÔNG TRÌNH VƯỢT KHỎI TÀM TAY CHUYÊN VIÊN VÀ CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Mấy năm gần đây, tuy đầu tư nước ngoài có một số ích lợi như có một số nhà máy được thiết lập, GDP tăng, xuất khẩu tăng, song đồng thời cũng có một số hiện tượng tiêu cực liên quan đến đầu tư nước ngoài, như máy xấu, được coi giá lên 3-5 lần, các nhà máy nước ngoài cạnh tranh với nhà máy trong nước làm cho một số xí nghiệp Việt Nam lâm vào hoàn cảnh hết sức khó khăn. Do đó, chúng tôi kiến nghị chỉ nên cho nước ngoài đầu tư trong những địa hạt gì Việt Nam chưa có khả năng làm được và nên tập trung đầu tư nước ngoài trong các khu chế xuất, vì sản phẩm làm ra không cạnh tranh với sản phẩm trong nước và được dành cho xuất khẩu, như vậy tái tạo ngoại tệ để chuyển tiền lãi và vốn của nước ngoài ra ngoại quốc. Để khuyến khích đầu tư nước ngoài theo chiều hướng trên đây, nên tập trung đầu tư đẩy mạnh việc xây các cảng sâu ven biển và các khu chế xuất tại các cảng này, đặc biệt là từ Vũng Tàu đến Cam Ranh là nơi thuận lợi nhất vì nằm trên đường hàng hải quốc tế Đông Nam Á.

V. THI HÀNH NGHIỆM VIỆC BÀI TRÚ THAM Ô, HÔI LỘ, MẠI DÂM, BUÔN LẬU

Bài trừ mạnh các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy và mại dâm, có những biện pháp mạnh chống nguy cơ HIV hiện đang lan tràn ở nước ta với tốc độ càng tăng càng nhanh hơn. Nếu không có biện pháp ngăn chặn được trong vài năm tới Việt Nam có thể tiến đến cảnh hãi hùng hàng triệu người bị HIV khi ấy không còn đủ vốn để công nghiệp hoá hiện đại hoá vì các chi phí rất cao phải dành cho các bệnh nhân như nhiều nước ở Châu Phi hiện nay.

Trong thời gian chiến tranh, nhiều chỉ số tài chính thống kê đã được coi là tối mật, như tình hình lời lỗ các doanh nghiệp, chi thu nhà nước, v.v.... Núp bóng dưới "bí mật tài chính" trên đây, nhiều xí nghiệp đã huy động vốn khi không có khả năng hoàn trả, người dân không thực sự làm chủ vì không có quyền biết những chi tiết thống kê thường được công bố rộng rãi ở nước ngoài. Do đó, chúng tôi kính đề nghị chính phủ Quốc hội nới rộng một số thông tin liên quan đến tài chính, xuất nhập khẩu, chi thu nhà nước, ngân hàng để nhân dân được biết và góp ý với Đảng và Nhà Nước về tất cả các vấn đề liên quan đến quốc kế dân sinh ■